

Bản án số: **446** /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/12/2021

V/v: ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Nguyễn Thế Lợi**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Nguyễn Hữu Trọng**

**Bà Nguyễn Thị Liên**

**- Thư ký phiên tòa:** **Bà Vũ Thị Diệu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 428/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** **Chị Trần Thị T**, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT: Tổ 3, khu TT, thị trấn XM, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số 85/38 CLV, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** **Anh Ngô Thế S**, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Tổ dân phố 3, khu TT, thị trấn XM, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Ngô Thế S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 10/5/2013 tại Ủy ban nhân dân phường BT, thị xã LG, tỉnh BT. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có

tiếng nói chung. Năm 2018 vợ chồng sống ly thân, chị sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, còn anh S sống ở huyện CM, Tp. Hà Nội. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Thế S.

**Về con chung:** Trong quá trình chung sống chị và anh S có một con chung là Ngô Thế T1, sinh ngày 02/01/2015. Do cháu T1 từ nhỏ đến lớn sinh sống cùng với anh S và ông bà nội ở huyện CM, nên chị T đồng ý để anh S nuôi dưỡng cháu T1. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị và anh S tự thỏa thuận.

**Về tài sản chung, công nợ chung:** Chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## ***2. Tại bản tự khai, bị đơn anh Ngô Thế S trình bày:***

**Về quan hệ hôn nhân:** Anh và chị Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 10/5/2013 tại Ủy ban nhân dân phường BT, thị xã LG, tỉnh BT. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh S tại thị trấn XM, huyện CM được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, đã hết tình cảm với nhau. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị T xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

**Về con chung:** Anh và chị T có một con chung là Ngô Thế T1, sinh ngày 02/01/2015. Ly hôn, anh S có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung, công nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:*** Chị T và anh S đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] **Về tố tụng:** Bị đơn anh Ngô Thế S cư trú tại thị trấn XM, huyện CM, Tp. Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] **Về nội dung:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Ngô Thế S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 10/5/2013 tại Ủy ban nhân dân phường BT, thị xã LG, tỉnh BT nên hôn nhân giữa chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị T, anh S cho thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Thực tế, chị T và anh S đã ly thân từ năm 2018 và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh S đồng ý ly hôn nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh S.

2.2. Về con chung: Chị T và anh S xác nhận có 01 con chung là Ngô Thế T1, sinh ngày 02/01/2015. Xét việc xin nuôi con chung: Anh S có nguyện được nuôi cháu T1 chị T cũng đồng ý. Cháu T1 hiện đang ở với anh S và ông bà nội. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung cần giao cháu T1 cho anh S được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh S không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T đến khi có sự thay đổi khác

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### ***Xử:***

**1. Về hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Ngô Thế S.

**2. Về con chung:** Chị T và anh S có 01 con chung là Ngô Thế T1, sinh ngày 02/01/2015. Giao cháu Ngô Thế T1 cho anh Ngô Thế S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Ghi nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T đến khi có sự thay đổi khác.

**4. Về tài sản chung, công nợ chung:** Chị T và anh S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**5. Về án phí:** Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075486 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

**6. Về quyền kháng cáo:** Chị Trần Thị T và anh Ngô Thế S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND P. BT, T.X LG, tỉnh BT  
(Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*đã ký*

**Nguyễn Thế Lợi**

